

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/HNST

Ngày: 02/3/2021

V/v: “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nhân

2. Bà Huỳnh Thị Lài

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trung Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 468/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Phạm Hồng N, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: 12/4A, phường TA, quận BT, thành phố CT;

Bị đơn: Ông Nguyễn Công M, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Thới Hưng, huyện CĐ, thành phố CT.

Chỗ ở hiện nay: Dãy N04 hẻm 108, đường LHP, phường TA, quận BT, thành phố CT.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phần trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2020 và trong quá trình tố tụng như sau:

Bà Đỗ Phạm Hồng N và ông Nguyễn Công M tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ năm 2013. Trong quá trình chung sống ông bà vẫn hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do không tìm được tiếng nói chung, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình. Ông M thường đi sớm về muộn và không quan tâm đến gia đình. Giữa ông bà chưa có con chung với nhau nên dẫn đến vợ chồng thiếu mối liên kết. Mặc khác ông M không quan tâm đến việc điều trị để có con theo hướng dẫn của cơ sở y tế. Nay nhận thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này, vì vậy bà có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thủy giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Công M.

Về con chung: Bà và ông M không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Phần trình bày của bị đơn – ông Nguyễn Công M và trong quá trình tố tụng như sau:

Năm 2012 ông và Đỗ Phạm Hồng N tự tìm hiểu và quen biết nhau nên ông bà đã tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, giữa ông bà vẫn chưa có con chung với nhau. Cuộc sống ông bà không có cự cãi hay bạo hành trong hôn nhân. Vì ông rất yêu thương bà N. Lý do bà N xin ly hôn là do ông M nhắn tin đùa giỡn với bạn bè trên mạng xã hội, đây cũng là nguyên nhân sinh ra mâu thuẫn giữa ông bà. Tháng 6 năm 2020 ông M có đi nhậu với bạn bè và có đi massage thông thường, tuy nhiên do chỗ massage không vệ sinh nên ông đã mang bệnh xã hội và lây sang cho bà N. Ông cho rằng ông chưa vượt quá giới hạn để dẫn đến ngoại tình. Sau thời gian đó ông rất hối hận. Vì vậy bà N xin ly hôn, ông không đồng ý do còn thương vợ và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Giữa ông bà không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông M không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Do các bên đương sự không thống nhất được cách giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập được tổng đạt cho nguyên đơn và bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đỗ Phạm Hồng N vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị ly hôn với ông Nguyễn Công M; về con chung: không có nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: bà N không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Bị đơn ông Nguyễn Công M không thống nhất ly hôn, giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

Giữa bà Đỗ Phạm Hồng N và ông Nguyễn Công M tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, ông bà có đăng ký kết hôn, hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Xét hôn nhân giữa bà N và ông M đã phát sinh mâu thuẫn mà theo nguyên nhân là do ông M có mối quan tâm không trong sáng với người phụ nữ khác, giữa ông bà bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng kéo dài. Cuộc sống vợ chồng không còn đồng cảm và hạnh phúc như thời gian đầu chung sống. Ông bà đã tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả tốt đẹp, vì vậy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương quan tâm và chăm sóc các thành viên trong gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, bà N nhất quyết ly hôn với ông M vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đồng thời ông M cũng xác định giữa ông bà đã sống mỗi người mỗi nơi, nhiều lần ông tìm bà N để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà N nhất quyết không tạo cơ hội và không cho gặp mặt. Mặt khác, Tòa án đã cho ông M và bà N thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên đến nay ông M vẫn không đưa ra biện pháp hàn gắn và bà N cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử nhận thấy bà N không muốn duy trì cuộc sống hôn nhân này. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chấp thuận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Phạm Hồng N đối với ông Nguyễn Công M là có cơ sở.

[4] Về con chung: Giữa ông M, bà N không có con chung, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông M, bà N không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Đỗ Phạm Hồng N chịu phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Phạm Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Công M.

2. Về con chung: Ông M, bà N không có con chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung và nợ chung: Ông M, bà N không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đỗ Phạm Hồng N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 004908

ngày 08/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà N đã nộp xong.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát ND Q.Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q.Bình Thủy;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký**

Nguyễn Thị Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**Huỳnh Văn Nhân Huỳnh Thị Lại****Nguyễn Thị Hải**